



CK.0000039860



Chân Ngôn Thần Chú Mật Tông

密宗真言咒語



UYÊN
LIỆU

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC





Chân Ngôn
Thần Chú
Mật Tông

密宗真言咒語



**TỦ SÁCH NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO
VIỆN NGHIÊN CỨU PHONG THỦY THẾ GIỚI**

Bản quyền tiếng Việt:

Nhà sách Huy Hoàng - Cty Văn hóa Phương Bắc
110D Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Mọi góp ý tư vấn xin liên hệ tại: khaivan.com

THÍCH MINH TÔNG



Chân Ngôn Thần Chú Mật Tông

密宗真言咒語



 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI NÓI ĐẦU

Chân ngôn (tiếng Phạn là Mantra, dịch âm sang tiếng Hán là Man đát la, Mạn đà là) chiếm địa vị trung tâm trong phép tu Mật giáo. Nếu không có chân ngôn, sẽ không thể hình thành nên được sự tương bí mật trong Mật giáo. Nhưng từ “Mandala” không phải là từ ngữ của Mật giáo, mà nó đã xuất hiện trong văn hoá Ấn Độ từ thời xa xưa, đã được sử dụng trong Bà La Môn giáo cổ đại, đến Mật giáo, nó đã được trao cho ý nghĩa Phật pháp mà trở nên thăng hoa.

Trong kinh điển Phật giáo, những từ ngữ dùng để chỉ chân ngôn còn có Đà la ni, chú, minh chú, mật chú và thần chú. Những danh từ này mặc dù có tên gọi khác nhau nhưng nhìn chung, tất cả đều chỉ một đối tượng giống nhau, chỉ có một vài khác biệt về đặc điểm.

Bất Không Tam tạng trong “Tổng thích Đà la ni nghĩa tán” có nói: “Cũng có chân ngôn một chữ, cho đến hai chữ, ba chữ, cho đến trăm chữ, nghìn chữ, vạn chữ, nhiều hơn con số này, thậm chí vạn lượng vô biên đều có tên là Đà la ni, chân ngôn, mật ngôn, minh”.

Phật giáo cho rằng, ngữ mật trong Tam mật hiển thị ngôn ngữ của Như Lai là chân lý thực sự, hoàn toàn không có giả dối, cho nên được gọi là chân ngôn. Chân ngôn có thể chiếu rọi sự tăm tối, u mê, làm cho người tu hành có thể đạt đến sự thanh tịnh, viên mãn, sáng rõ, cho nên được gọi là minh hoặc minh chú. Khi tụng chân ngôn minh chú có thể giúp con người thân tâm như một, tiếp nhận được vô lượng ý nghĩa bí mật. Chân ngôn cho dù có bao nhiêu chữ, đều thâm tóm được tất cả ý nghĩa, đạo lý của giáo pháp, chính vì vậy được gọi là Đà la ni. Phật giáo cho rằng, trì tụng chân

ngôn có thể dẫn phát bi, trí, thần thông và các dạng thiền định Tam ma địa, tiêu trừ tai họa, cho nên được gọi là chú hoặc thần chú.

Về hình thức, chân ngôn có thể phân thành ba loại là đại chú, trung chú và tiểu chú. Đại chú còn được gọi là Đà la ni căn bản, chú căn bản hoặc đại tâm chú, là loại chân ngôn Đà la ni dùng để giải thích rõ ràng, chân thực về công đức bản thể nội chứng của Bản tôn.

Trung chú còn gọi là tâm chân ngôn, tâm bí mật chú hay tâm chú, là chân ngôn trọng yếu của Đà la ni căn bản. Loại chân ngôn này thể hiện được sự tinh túy chân thực trong cảnh giới nội chứng bí mật của thần Bản tôn.

Tiểu chú còn được gọi là tùy tâm chân ngôn hoặc tâm trung tâm chú. Chân ngôn này được cấu thành từ những bí mật cốt yếu trong chân ngôn bản thể nội chứng của Bản tôn.

Ngoài ra, Bản tôn đa phần đều sở hữu những chủng tử tự (bija) mang tính trọng yếu, hạt nhân, những chủng tử tự cũng có thể coi là chân ngôn để trì tụng; hoặc thêm vào phía trước chủng tử tự một chữ Namo (Nama, tức “quy mệnh”), sẽ trở thành “nhất tự chú” (thần chú một chữ). Vì thế, bất kỳ một chủng tử tự nào đều có thể gọi là nhất tự chú.

Cuốn sách này sẽ giải thích một cách hoàn chỉnh về ý nghĩa sâu xa, nguồn gốc, quá trình phát triển và các thể loại của mật chú chân ngôn. Đồng thời, cũng tiến hành giới thiệu một cách ngắn gọn, trọng điểm về các vị Phật, Bồ tát, Minh Vương, chư thiên hộ pháp quan trọng và các chân ngôn Đà la ni kinh điển. Với mỗi chân ngôn, chúng tôi sẽ tiến hành phân tích về ý nghĩa của các từ trong tiếng Phạn, phiên âm Hán Việt, và phiên âm La tinh. Chúng tôi hy vọng rằng, cuốn sách có thể giúp bạn đọc đi sâu tìm hiểu về Phật giáo từ khía cạnh hết sức độc đáo này.

PHẠM LỆ

1. Các thần chú chân ngôn trong cuốn sách này chủ yếu được phân chia theo chư tôn và kinh chú thường gặp. Với mỗi thần chú, chúng tôi sẽ cung cấp nguyên văn chữ Phạn, phiên âm Hán Việt, phiên âm La tinh và giải thích nghĩa từ. Các từ trong chân ngôn dùng số ①, ②,... để đánh số, nhằm thuận tiện cho người đọc đối chiếu, tìm hiểu và nắm bắt được những kiến thức cơ bản nhất của chân ngôn.

2. Nếu phần chữ Phạn trong kinh văn nguyên gốc bị thiếu hoặc ý dịch của chân ngôn bản gốc không rõ ràng, thì trong phần chữ Phạn và phiên âm sẽ dùng ký hiệu “——” để thay thế.

3. Những chân ngôn được liệt ra trong cuốn sách này mặc dù có kinh điển gốc để đối chiếu, nhưng do sự khác nhau của văn bản gốc và bản dịch, nên giữa chúng có lẽ sẽ có ít nhiều chênh lệch. Vì thế trong quá trình biên tập, phần chữ Phạn, phiên âm La tinh và giải thích ý nghĩa đã tham khảo các phiên bản kinh văn khác nhau và các tác phẩm nghiên cứu hiện đại, nhằm đưa ra được kết quả phù hợp nhất, chính xác nhất. Nhưng do tư liệu quá nhiều và quá phức tạp, nên có lẽ sẽ có đôi chỗ còn sơ lược, kính mong các vị học giả và các nhà nghiên cứu góp ý để cuốn sách thêm phần hoàn thiện.

TỪ NGỮ THƯỜNG GẶP TRONG CHÂN NGÔN

● नमः (Nomah)\ नमसि (Namas)\ नमो (Namo)

Dịch âm Hán Việt: Nam mô, nam mô, nāng mô, nāng mạc, na mô,... Ý nghĩa là: quy y, quy mệnh hoặc kính lễ. Thường đặt ở phần mở đầu chân ngôn, biểu thị ý nghĩa quy kính, lễ phép. Đằng sau nó thường là tôn hiệu số ít của các vị thần Phật. Nếu tôn hiệu các vị tôn thần là số nhiều thì đằng sau thường thêm “ānām” để biểu thị số nhiều. Ví dụ những tên thường gặp như: namaḥ samanta - buddhānām (Nam Mô Mạc Tam Man Đa Bội Đà Nam), nghĩa là quy mệnh tất cả chư Phật, là một ví dụ.

● 唵 (Om)

Dịch âm Hán Việt: Úm, án. Theo ghi chép trong “Thủ hộ quốc giới kinh” quyển 9, chữ “Om” chỉ tất cả pháp môn, thân thể thực sự của Phật Tỳ Lư Già Na (Vairocana), tất cả Đà la ni mẫu, từ chữ này có thể sinh ra tất cả Như Lai. Còn trong “Mật tạng ký” của đại sư Không Hải (Kukai) người Nhật có viết, “Om” có năm nghĩa: quy mệnh, cúng dường, tam thân, bình tĩnh, nhiếp phục.

● स्वहा (Svāhā)

Dịch âm Hán Việt: Sa phộc hạ, sa phộc ha, tát bà ha, bà phộc ha, sa ha, tăng sa ha, sa bà ha. Nghĩa là kết quả, viên mãn, thành tựu, may mắn, tức tai, ức niệm. Thường đặt ở phần cuối chân ngôn mật chú, là thuật ngữ dùng để cầu nguyện sự may mắn. Đây cũng là lời tán thán dùng trong các bài cúng cầu phúc, cầu may trong lễ cúng thần linh của Ấn Độ cổ xưa.